

Bản án số: 05/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 30/8/2025

"Về việc: Ly hôn, tranh chấp nuôi
con chung".

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 - HẢI PHÒNG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Vân Hà.
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Trần Thị Khanh và bà Vũ Thị Thủy.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hà - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 12 - Hải Phòng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 - Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Xoa - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 12 - Hải Phòng mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 84/2025/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2025 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 7 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2025/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự.

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 2001 (có đơn xét xử vắng mặt).

ĐKKH: Thôn 3, xã ĐS, huyện CG, tỉnh HD (nay là thôn 3, xã CG, thành phố Hải Phòng).

Nơi cư trú: Khu TK thị trấn CG, huyện CG, tỉnh HD (nay là Khu TK, xã CG, thành phố Hải Phòng).

2. Bị đơn: Anh Phùng Văn H, sinh năm 1997 (vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn 3, xã ĐS, huyện CG, tỉnh HD (nay là thôn 3, xã CG, thành phố Hải Phòng).

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông Phùng Văn L, sinh năm 1973 và bà Đào Thị H1, sinh năm 1977 (có đơn xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn 3, xã ĐS, huyện CG, tỉnh HD (nay là thôn 3, xã CG, thành phố Hải Phòng).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị M trình bày:

Chị và anh Phùng Văn H được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 24/6/2019 tại UBND xã CS, huyện CG, tỉnh HD (nay là xã CG, thành phố Hải Phòng) và được hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán địa phương. Vợ chồng sống hạnh phúc được thời gian ngắn thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, tính cách, lối sống trái ngược nhau thường xuyên xảy ra va chạm. Bản thân anh H là người ham chơi không chịu làm ăn vun vén gia đình. Khi mâu thuẫn xảy ra anh chị đã tìm cách tháo gỡ, hai bên gia đình cũng động viên hoà giải nhưng mâu thuẫn không được cải thiện. Do kinh tế khó khăn tháng 9 năm 2020, chị và anh H đều đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan nhưng anh H trốn ra ngoài nên bị công an nước sở tại bắt, trục xuất về nước vào tháng 3 năm 2023, trong thời gian về Việt Nam anh tiếp tục chơi bời dẫn tới nợ nần, gia đình đã nhiều lần phải trả nợ thay cho anh. Tháng 10 năm 2023, anh H xuất cảnh sang Trung Quốc để làm ăn, đến tháng 8 năm 2024 thì về Việt Nam qua cửa khẩu Móng Cái, còn chị đến tháng 11 năm 2024 hết hợp đồng chị về Việt Nam thì anh H cùng gia đình đón chị tại sân bay Nội Bài. Từ khi về nước chị và anh luôn xảy ra mâu thuẫn nên chị đã về nhà bố mẹ để sống ly thân với anh từ tháng 01 năm 2025 đến nay. Trong thời gian sống ly thân mỗi người một nơi, không ai quan tâm đến ai, không có biện pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể tiếp tục chung sống cùng nhau được nữa, mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phùng Văn H.

Về con chung: Chị xác định giữa chị và anh H có một con chung là Phùng Văn Đ, sinh ngày 17/9/2019. Khi ly hôn chị thì đề nghị Toà án giao con cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi thành niên, bởi vì từ trước đến nay anh H cùng với ông Phùng Văn L, bà Đào Thị H1 (bố mẹ đẻ anh H) là người trực tiếp chăm sóc, đưa đón cháu Đ đi học, cháu Đ vẫn đang sinh sống cùng nhà với anh H, ông L bà H1 việc chăm sóc cháu Đ vẫn phát triển tốt về mọi mặt, bản thân chị không muốn làm xáo trộn cuộc sống của con, hơn nữa sau khi có quyết định ly

hôn của Tòa án thì chị sẽ tiếp tục làm thủ tục đi xuất khẩu lao động tại nước ngoài một vài năm. Tuy nhiên hiện nay anh H vắng mặt không có nhà thì đề nghị Tòa án tạm giao con chung của anh chị cho ông L, bà H1 được trực tiếp nuôi dưỡng. Khi anh H đi làm về thì đề nghị ông L, bà H1 có trách nhiệm bàn giao lại cháu Đ cho anh H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi thành niên. Anh H và gia đình anh H tự nguyện không yêu cầu chị phải có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung đến khi thành niên thì chị nhất trí.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án, từ khi thụ lý vụ án đến khi Tòa án đưa vụ án ra xét xử, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần cho anh H nhưng anh H đều không đến Tòa án làm việc. Tòa án cùng đại diện chính quyền địa phương đến nhà ông L, bà H1 (bố mẹ đẻ anh H) tổng đạt trực tiếp các văn bản tố tụng cho anh H như: Thông báo về việc thụ lý vụ án; Đơn khởi kiện và các tài liệu kèm theo đơn khởi kiện; Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh H không có nhà. Ông L, bà H1 là người trực tiếp nhận thay, ký vào biên bản giao nhận các văn bản tố tụng đó. Đồng thời Tòa án làm thủ tục niêm yết toàn bộ văn bản theo đúng trình tự quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng anh H không đến Tòa án làm việc, không có ý kiến bằng văn bản đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tòa án tiến hành xác minh tại chính quyền địa phương cũng như lấy lời khai của trưởng thôn, những người hàng xóm, người thân hai bên gia đình đều khẳng định: tại thời điểm giải quyết vụ án anh H vẫn có hộ khẩu thường trú tại thôn 3, xã CG, thành phố Hải Phòng chưa làm thủ tục chuyển khẩu, cắt khẩu đi nơi khác.

Công văn số 1324/QLXNC ngày 06/5/2025 của Phòng Quản lý xuất nhập cảnh - Công an tỉnh Hải Dương về kết quả tra cứu thông tin xuất nhập cảnh trả lời: Trường hợp Phùng Văn H xuất cảnh lần gần đây nhất vào ngày 11/10/2023 qua sân bay Nội Bài chưa có thông tin nhập cảnh của lần xuất cảnh này.

Tại biên bản lấy lời khai đại diện gia đình anh H trình bày: Chị Mai và anh H được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã CS, huyện CG, tỉnh HD (nay là UBND xã CG, thành phố Hải Phòng) vào ngày 24/6/2019.

Nguyên nhân mâu thuẫn của anh chị là không tìm được tiếng nói chung, bản thân anh H là người không có trách nhiệm gì với gia đình, chơi bời nợ nần dẫn đến gia đình phải bán một phần diện tích đất để trả nợ thay cho anh. Khi mâu thuẫn của anh chị xảy ra gia đình cũng đã hàn gắn, động viên nhưng mâu thuẫn của anh chị không được giải quyết. Trước đó vào tháng 9 năm 2020, anh chị đều đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan nhưng anh H trốn ra ngoài nên bị bắt, trục xuất về nước vào tháng 3 năm 2023. Ngày 11/10/2023, anh H xuất cảnh sang Trung Quốc qua sân bay Nội Bài để làm ăn, tuy nhiên sau khi sang Trung Quốc gia đình mất liên lạc, không có thông tin gì. Tháng 8 năm 2024, gia đình nhận được tin báo của công an địa phương về việc có thông tin về anh H, phía công an Trung Quốc trao trả qua cửa khẩu Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh. Việc anh H đã nhập cảnh về Việt Nam không được thể hiện trên thông tin quản lý xuất nhập cảnh thì gia đình không nắm được. Từ tháng 8 năm 2024, anh H trở về Việt Nam vẫn sinh sống, làm việc tại địa phương đến khi chị Mai hết hợp đồng xuất khẩu lao động tại Đài Loan về nước vào ngày 07/11/2024 thì gia đình hai bên, anh H ra sân bay Nội Bài đón chị Mai, sau đó anh chị chung sống đến tháng 01 năm 2025 thì nảy sinh mâu thuẫn và sống ly thân từ đó đến nay. Do cuộc sống không hạnh phúc dẫn đến chán nản anh H đã đi làm xa không nói cho gia đình biết làm gì ở đâu nhưng vẫn thường xuyên liên lạc với gia đình bằng điện thoại, zalo. Ngày 17/6/2025, anh H về chơi với mục đích để vợ chồng đoàn tụ nhưng chị Mai không đồng ý. Mỗi lần nhận được văn bản tố tụng của Tòa án gia đình đều thông báo bằng điện thoại cho anh H biết và anh H cũng nắm được nội dung đơn khởi kiện của chị Mai. Gia đình khẳng định anh H đang sinh sống và làm việc tại Việt Nam. Về con chung: anh chị có một con chung là Phùng Văn Đ, sinh ngày 17/9/2019. Cháu Đ đang do gia đình trực tiếp nuôi dưỡng, hàng tháng anh H gửi tiền về để ông bà nuôi dưỡng. Quan điểm của ông bà đề nghị Tòa án giao con cho anh H được nuôi dưỡng đến khi thành niên. Tuy nhiên hiện nay anh H đi làm xa, không thường xuyên có mặt tại nhà để chăm sóc con chung, đề nghị Tòa án tạm giao cháu Đ cho ông bà nuôi dưỡng, giáo dục trong thời gian anh H vắng mặt và tự nguyện không yêu cầu chị Mai phải có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi cháu Đ, khi anh H về thì ông bà có trách nhiệm giao lại cháu Đ cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi thành niên. Ông bà khẳng định đủ điều kiện nuôi dưỡng cháu Đ trong thời gian anh H đi làm xa, có đầy đủ tiện nghi sinh hoạt, có thời gian chăm sóc con chung của anh chị.

Tại biên bản lấy lời khai đại diện gia đình chị Mai trình bày: Anh chị có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Nguyên nhân mâu thuẫn của anh chị như thế nào gia đình không nắm được, gia đình chỉ biết chị Mai về tâm sự là mâu thuẫn của anh chị không tìm được tiếng nói chung, anh H không tu chí làm ăn. Anh H hiện không có mặt tại địa phương mà đi làm xa, gia đình không biết làm gì ở đâu. Nay chị Mai làm đơn ly hôn với anh H đề nghị Toà án hòa giải cho anh chị được đoàn tụ, nếu không đoàn tụ được thì giải quyết theo quy định pháp luật. Về con chung: anh chị có một con chung là Phùng Văn Đ, sinh ngày 17/9/2019, đề nghị Toà án giải quyết theo quy định pháp luật. Về tài sản chung, nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án tiến hành xác minh tại Công an xã Cẩm Giang: Chị Mai, anh H vẫn đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa phương và đăng ký hộ khẩu tại gia đình ông Phùng Văn L. Đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tòa án tiến hành xác minh tại UBND xã cung cấp: Anh H và chị Mai có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã CS, huyện CG, tỉnh HD (nay là UBND xã CG, thành phố Hải Phòng) vào ngày 24/6/2019, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Việc mâu thuẫn của anh chị như thế nào địa phương không nắm bắt được. Qua theo dõi thực tế tại địa phương anh chị sống ly thân với nhau mỗi người một nơi từ tháng 01 năm 2025 đến nay. Về con chung: anh chị có một con chung là Phùng Văn Đ, sinh ngày 17/9/2019. Hiện nay con chung đang do bố mẹ anh H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Trong trường hợp anh chị có tranh chấp và không thoả thuận được việc nuôi con thì đề nghị Tòa án căn cứ vào các quy định của pháp luật để giải quyết làm sao đảm bảo quyền lợi cho các đương sự.

Lời khai của những người làm chứng:

+ Lời khai của ông Nguyễn Văn Hà - Trưởng thôn: Gia đình ông là hàng xóm với gia đình ông L bà H1. ông nắm được anh H chị Mai có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, sau đó được hai bên gia đình tổ chức đám cưới tại địa phương. Việc anh chị nảy sinh mâu thuẫn như thế nào ông không biết. Khi mâu thuẫn xảy ra chị Mai bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, còn anh H đi làm xa. Thỉnh thoảng gia đình ông L có công việc thì ông vẫn thấy thấy anh H về. Gần đây nhất ngày 17/6/2025, ông đến gia đình ông L để thông báo về việc thu thập giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, căn cước công dân để xác nhận nhân

thân của chủ sở hữu và đảm bảo quyềnd hợp pháp đối với thửa đất, tài sản gắn liền với đất thì thấy anh H đang chơi với cháu Đ tại phòng khách nhà ông L. Do vậy ông khẳng định anh H vẫn sinh sống, làm việc tại Việt Nam. Về con chung: Anh chị có 01 con chung là cháu Phùng Văn Đ, sinh ngày 17/9/2019. Từ khi chị Mai không sinh sống cùng nhà với ông L, bà H1 và anh H đi làm xa thì cháu Đ do vợ chồng ông L trực tiếp nuôi dưỡng. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

+ Lời khai của bà Nguyễn Thị Sáng: Bà là hàng xóm của gia đình ông L, bà H1. Việc anh H, chị Mai mâu thuẫn như thế nào thì bà không nắm được. Hiện nay chị Mai không sinh sống cùng với anh H, ông L bà H1 mà về bố mẹ đẻ sinh sống từ nhiều tháng nay. Anh H đi xuất khẩu lao động ở Trung Quốc , đến tháng 8 năm 2024 thì bà thấy anh H về Việt Nam, sinh sống cùng nhà ông L bà H1 đến tháng 01 năm 2025. Sau đó anh H đi làm, thỉnh thoảng có về thăm gia đình vào những ngày gia đình ông L có công việc gia đình. Lần gần đây nhất bà sang nhà ông L chơi thì thấy anh H đang ở nhà. Hiện nay anh H đi làm ở đâu thì bà không nắm được.

+ Lời khai của ông Nguyễn Văn Thành: Ông là hàng xóm của gia đình ông L, bà H1. Việc anh chị nảy sinh mâu thuẫn như thế nào thì ông không nắm được. Hiện nay chị Mai không sinh sống cùng nhà với gia đình ông L mà đã về nhà bố mẹ đẻ sinh sống. Sau đó anh H đi làm ăn xa ở đâu thì ông không biết nhưng thỉnh thoảng ông thấy anh H ở nhà.

Tại phiên toà, Nguyên đơn chị Nguyễn Thị M có đơn xin xét xử vắng mặt vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn với anh H và đề nghị Tòa án giải quyết cho anh H được nuôi dưỡng con chung đến khi thành niên. Về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Phùng Văn H vắng mặt không có lý do.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Phùng Văn L, bà Đào Thị Huyền (có đơn xin xét xử vắng mặt) có quan điểm: Từ tháng 01 năm 2025 anh H, chị Mai sống ly thân mỗi người một nơi, đến khi anh H đi làm không có nhà thì cháu Phùng Văn Đ, sinh ngày 17/9/2019 vẫn chung sống cùng với ông bà. Nếu Tòa án giải quyết cho anh H, chị Mai ly hôn thì ông bà đề nghị Tòa án tạm giao cháu Đ cho ông bà trực tiếp nuôi dưỡng trong thời gian anh H không có nhà, đến khi anh H đi làm về thì ông bà sẽ có trách nhiệm bàn giao lại cháu Đ cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi thành niên. Trong thời gian ông bà trông

nom nuôi dưỡng cháu Đ thì tự nguyện không yêu cầu chị Mai phải có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng ông bà.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 - Hải Phòng phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 73 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn thực hiện không đầy đủ quyền và nghĩa vụ “phải có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án” vi phạm khoản 16 theo Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị xử:

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị M được ly hôn với anh Phùng Văn H.

Về con chung: Giao con chung là Phùng Văn Đ, sinh ngày 17/9/2019 cho anh Phùng Văn H chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi thành niên. Tạm giao cháu Đ cho ông Phùng Văn L và bà Đào Thị H1 nuôi dưỡng trong thời gian anh H không có mặt tại địa phương, chấp nhận sự tự nguyện của anh H, ông L, bà H1 không yêu cầu chị Mai phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị M phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

- Về thẩm quyền: Đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị M yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, con chung. Xác định đây là vụ án tranh chấp về Hôn nhân và gia đình quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh Phùng Văn H là bị đơn hiện nay có hộ khẩu thường trú và cư trú tại Thôn 3, xã ĐS, huyện CG, tỉnh HD (nay là thôn 3, xã CG, thành phố Hải Phòng); căn cứ khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng (nay là Tòa án nhân dân khu vực 12 - Hải Phòng).

- Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị M có đơn xin xét xử vắng mặt; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Phùng Văn L, bà Đào Thị H1 có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn anh Phùng Văn H vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án tiến hành các biện pháp để thu thập chứng cứ: Triệu tập hợp lệ anh H, tổng đạt trực tiếp các văn bản cho ông L, bà H1 (là bố mẹ đẻ anh H) nhận thay, ngoài ra còn làm thủ tục niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng anh H đều vắng mặt không có lý do, không có ý kiến bằng văn bản gửi Tòa án liên quan đến yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp. Theo hướng dẫn tại điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 5/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao thì trường hợp của anh H được xác định là cố tình giấu địa chỉ. Vì vậy, Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh H, chị Mai và ông L bà H1.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Mai và anh H kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã CS, huyện CG, tỉnh HD (nay là UBND xã CG, thành phố Hải Phòng) vào ngày 24/6/2019. Do vậy, xác định quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Do kinh tế khó khăn nên tháng 9 năm 2020 anh chị đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan để trang trải kinh tế gia đình. Trong thời gian ở Đài Loan anh H trốn ra ngoài và bị Công an nước sở tại bắt, làm thủ tục trục xuất về nước vào tháng 3 năm 2023. Tháng 10 năm 2023, anh H sang Trung Quốc bị bắt, tháng 8 năm 2024 thì về Việt Nam qua cửa khẩu Móng Cái. Ngày 07/11/2024 chị Mai hết hợp đồng lao động về Việt Nam thì anh H

cùng với hai bên gia đình đến sân bay Nội Bài để đón chị. Sau khi về nước anh chị sinh sống với nhau được một thời gian ngắn thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, tính cách, có lối sống trái ngược nhau dẫn đến không tìm được tiếng nói chung thường xuyên cãi nhau, không quan tâm chia sẻ với nhau từ công việc đến tình cảm làm cho cuộc sống trở lên căng thẳng mệt mỏi. Bản thân anh H là người ham chơi không chịu làm ăn, không quan tâm đến gia đình. Khi nảy sinh mâu thuẫn, anh chị không tìm cách hàn gắn tháo gỡ mà sống ly thân mỗi người sống một nơi từ tháng 01 năm 2025. Lời trình bày về mâu thuẫn của chị phù hợp với lời trình bày của hai bên gia đình. Tòa án đã nhiều lần triệu tập báo gọi anh có mặt tại Tòa án để viết bản tự khai trình bày quan điểm của mình, lấy lời khai và tiến hành hòa giải nhưng anh đều vắng mặt, điều đó khẳng định anh không có thiện chí muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình thì “...*vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình, vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau ...*”. Hội đồng xét xử nhận thấy hôn nhân giữa chị Mai và anh H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu của chị Mai là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận giải quyết cho chị Nguyễn Thị M được ly hôn anh Phùng Văn H.

[2.2]. Về quan hệ con chung: Chị Mai và anh H có một con chung là Phùng Văn Đ, sinh ngày 17/9/2019. Khi ly hôn, chị Mai không có nguyện vọng nuôi con và đề nghị giao con chung cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi thành niên. Xét về điều kiện thực tế chăm sóc con chung thì từ khi chị Mai đi nước ngoài đến khi chị Mai và anh H sống ly thân mỗi người một nơi thì con chung của anh chị vẫn đang sinh sống cùng với ông L, bà H1 (bố mẹ đẻ anh H) chăm sóc, nuôi dưỡng. Việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Đ vẫn phát triển tốt về mọi mặt, cuộc sống ổn định. Tuy nhiên anh H vắng mặt tại địa phương nên tạm giao cháu Đ cho ông L bà H1 nuôi dưỡng và ông L bà H1 nhất trí, tự nguyện không yêu cầu chị Mai phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Để đảm bảo sự phát triển tốt nhất cho con chung, không làm xáo trộn cuộc sống của cháu Đức, Hội đồng xét xử tạm giao con chung của anh chị là Phùng Văn Đ cho ông L bà H1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trong thời gian anh H vắng mặt tại địa phương đến khi anh H về thì ông bà sẽ giao lại cháu

Đ cho anh H nuôi dưỡng là phù hợp với các quy định của pháp luật, phù hợp với điều kiện thực tế.

[2.3]. Về tài sản chung, nợ chung và công sức: Chị xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.4]. Về án phí: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị M phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị M được ly hôn với anh Phùng Văn H.

2. Về con chung: Sau khi ly hôn giao con chung là Phùng Văn Đ, sinh ngày 17/9/2019 cho anh Phùng Văn H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi thành niên. Trong thời gian anh H vắng mặt không có nhà thì tạm giao cháu Đ cho ông Phùng Văn L, bà Đào Thị H1 trực tiếp nuôi dưỡng đến khi anh H về thì ông L bà H1 có trách nhiệm nghĩa vụ bàn giao lại cháu Đ cho anh H nuôi dưỡng đến khi thành niên. Chấp nhận sự tự nguyện của anh H, ông L, bà H1 không yêu cầu chị Mai phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở và không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của người trực tiếp nuôi con.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị M phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu BLTU/23 số 0007456 ngày 28/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cẩm Giàng (nay là Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng). Chị Nguyễn Thị M đã thực hiện xong nghĩa vụ về án phí ly hôn sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn; người có quyền lợi nghĩa vụ

liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- *Đương sự;*
- *VKSND Khu vực 12- Hải Phòng;*
- *THADS thành phố Hải Phòng;*
- *UBND xã CG, thành phố Hải Phòng (để ghi vào sổ hộ tịch);*
- *Lưu Hồ sơ vụ án;*
- *Lưu Văn phòng Tòa án.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Vân Hà